

Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương**Tập 5****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Hạnh Chơn****Biên tập: Bình Minh**

Mời xem giảng nghĩa. “Niệm Phật tam muội, diệt danh nhất hành tam muội, diệt danh Chư Phật hiện tiền tam muội, bát nhã tam muội, phổ đẳng tam muội”.

Trong tiết này, ý nghĩa quan trọng là nói rõ pháp môn này. Như tông Hiền Thủ nói về ngũ giáo, tông Thiên thai nói về bát giáo. Đây là chư vị cổ đức xưa nay, đem những gì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế, gọi là giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm, phân toàn bộ quá trình dạy học thành năm loại lớn. Năm loại lớn này, ở đây chúng ta áp dụng pháp giáo của đại sư Hiền Thủ tông Hoa Nghiêm: “tiểu, thỉ, chung, đốn, viên”, đây là ngũ giáo. Dụng ý dùng những danh từ này, chính là câu A Di Đà Phật này, là then chốt của tất cả pháp mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, là trung tâm. Làm sao có thể chứng thực? Chính là năm câu nói ở đây. “Niệm Phật tam muội”, đây là tiểu giáo, vì sao nói nó là tiểu giáo? Ở trước chúng ta từng nói, niệm Phật có sự niệm, có lý niệm. Sự niệm chính là tiểu giáo, hoàn toàn chú trọng trên sự tướng, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, Phật hiệu câu này tiếp câu kia. Thật sự làm được không xen tạp, không gián đoạn, đây thuộc về sự niệm. Phàm những gì chú trọng về sự tướng, điều này trong dạy học thuộc về dạy học sơ cấp. Nhưng chư vị phải biết, trong các pháp môn khác, tiểu học chính là tiểu học. Tiểu không thể thông đại, không thể thông đốn, cũng không thể thông viên. Phương pháp này rất đặc thù, gọi là “một tức là nhiều, nhiều tức là một”. Nó đã có thứ lớp, lại là viên dung, như ở trước chúng ta nói rất nhiều về chân tướng sự thật. Về phương diện quả báo mà nói, bốn cõi ở thế giới tây phương cũng viên dung, về quả báo viên dung, về nhân nhất định viên dung.

Niệm Phật tam muội chính là “nhất hành tam muội”, nhất hành tam muội, trong Đàn Kinh Lục Tổ Huệ Năng nói rất nhiều, cũng nói rất tường tận, Thiền của Lục tổ truyền là đốn ngộ. Trong Thiền tông nói về “thiền”, không phải thiền định trong lục độ, chư vị nhất định phải biết điều này. Mà bát nhã ba la mật trong lục độ là trí tuệ, tuy nói là thiền tông, trên thực tế họ tu là trí tuệ.

Mở đầu Đàn Kinh, đại sư Huệ Năng dạy người: “tổng niệm ma ha bát nhã ba la mật đà”, là chỉ ra một cách rõ ràng minh bạch, sở tu của thiền tông là ma ha bát nhã ba la mật đà. Pháp môn này gọi là nhất hành tam muội. “Nhất hành” chính là chuyên chú, nhất là chuyên nhất.

Pháp môn Tịnh tông này, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Từ sự niệm có thể nhập lý niệm, vì thế pháp môn này cũng thuộc về nhất hành tam muội. Nhất hành tam muội là pháp môn đốn giáo, là đốn ngộ, tuy có thể đốn ngộ, ngộ rồi khởi tu, chưa chắc người người đều có thể đốn chứng. Pháp môn niệm Phật tuy không bằng đốn ngộ của Thiên tông, nhưng về phương diện đốn chứng hơn hẳn Thiên tông.

Một bên là siêu thắng về ngộ, một bên siêu thắng về chứng. Chư vị nhất định phải biết chứng quan trọng hơn ngộ, ngộ chưa chắc có thể chứng, sau khi chứng nhất định ngộ nhập. Cổ đức từng nói: “đản đặc kiến Di Đà, hà sâu bất khai ngộ”, chính là đạo lý này. Thiên tông đốn ngộ chưa chắc vãng sanh, chưa chắc có thể thấy được Phật A Di Đà. Pháp môn này nhất định thấy được Phật A Di Đà, thấy Phật A Di Đà đâu có chuyện không khai ngộ. Quý vị thử quan sát tường tận xem, pháp môn này thù thắng hơn Thiên, quả thật nó có diệu thù thắng, nó có đạo lý thù thắng. Đây là thông “đốn giáo”.

Câu tiếp theo nói, “cũng gọi là Chư Phật hiện tiền tam muội”. Chư Phật là chỉ hết thảy Chư Phật, câu này là cảnh giới chung giáo của đại thừa. “Chung” là gì? Đến viên mãn, pháp đại thừa sắp viên mãn, mới có thể chứng được Chư Phật hiện tiền tam muội.

Pháp môn niệm Phật, ở trước chúng ta thấy rất nhiều, trong năm loại bất tư nghì từng nói với quý vị, niệm một câu A Di Đà Phật không khác gì niệm danh hiệu tất cả Chư Phật, há chẳng phải tất cả Chư Phật đều hiện tiền ư. Niệm chư Phật khác, không nhất định bao hàm tất cả Chư Phật, nhưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, nhất định bao hàm hết thảy Chư Phật, không sót một vị Phật nào. Quý vị hỏi vì sao? Trong Kinh Di Đà nói rất rõ ràng, đề Kinh A Di Đà vốn gọi là Kinh Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm, đề kinh này vốn là như vậy. Nói cách khác, tất cả Chư Phật đều nói cho chúng sanh bộ kinh này, các kinh khác tất cả Chư Phật không nhất định nói. Vì sao vậy? Phật giảng kinh thuyết pháp là tùy căn cơ mà thuyết pháp, nếu hỏi Phật ngài muốn giảng kinh gì? Phật không biết, chúng sanh cần gì ngài liền nói cái đó. Kinh điển là vô lượng vô biên, khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, ngài giảng suốt 49 năm, chỉ nói vài ngàn bộ mà thôi, vài ngàn loại không thể sánh với vô lượng vô biên. Kinh điển truyền đến Trung quốc, người Trung quốc dịch sang tiếng Trung, hiện nay tổng cộng có hơn 3000 bộ, đương nhiên còn có rất nhiều chưa truyền đến Trung quốc, chưa truyền đến. Cũng có một số truyền đến rồi, nhưng chưa dịch sang tiếng Trung thì đã mất, làm mất, thất truyền. Đại khái chủ yếu đều dịch sang tiếng Trung, trong Đại Tạng Kinh tiếng Trung chúng ta có thể thấy. Từ đây cho thấy, những gì Phật nói ra rất có hạn, chưa nói ra thật là vô lượng vô biên, những điều nói ra quả thật như giọt nước trong biển cả.

Muốn hỏi Phật, ý của ngài là muốn nói kinh gì cho chúng sanh? Nói thật, chính là nói Kinh A Di Đà. Nếu mở rộng phạm vi hơn một chút, nói về kinh vãng sanh, khuyên tất cả chúng sanh vãng sanh tây phương Tịnh độ, đây là điều hết thấy Chư Phật đều muốn nói, các kinh điển khác cần phải khế cơ mới nói. Ta thỉnh cầu Đức Phật, thỉnh cầu, yêu cầu ngài mới nói, nếu không cầu ngài sẽ không nói. Kinh A Di Đà là không hỏi tự nói, không ai cầu, là Phật tự nói, đây gọi là kinh vãng sanh.

Vì sao Phật nhất định phải nói kinh này? Không những Đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn nói kinh này, tất cả Chư Phật ở các thế giới khác nhau, đều vì hết thấy chúng sanh mà nói kinh này. Trong Kinh Vô Lượng Thọ ta cũng hiểu được sự thật này, vì pháp môn này gọi là “tam căn phổ bị, lợi độn toàn thu”. Trên từ Đẳng giác Bồ Tát, như Văn Thù, Phổ Hiền, Bồ Tát Di Lặc, như chư vị Bồ Tát này, dưới đến chúng sanh trong địa ngục, câu A Di Đà Phật này tất cả đều được độ. Không những đều được độ, còn được độ một cách bình đẳng, thật không thể nghĩ bàn.

Đại sư Thiện Đạo nói thật với chúng ta, ngài nói rằng: “Nhu Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải”. Ý muốn nói, vì sao Như Lai xuất hiện ở thế gian này. Sở dĩ ngài xuất hiện tại thế gian, chỉ vì một việc duy nhất, là tuyên thuyết công đức bốn nguyện của Phật A Di Đà cho chúng ta, khuyên ta niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Như Lai xuất hiện ở thế gian, là vì điều này mà đến. Đại sư Thiện Đạo đã nói như vậy.

Vì sao nói rất nhiều các kinh luận khác? Là vì Phật nói pháp môn này ta không tin, không chịu nghe, không muốn học, Đức Phật đành nói các pháp môn khác. Nếu thật sự muốn học, có thể nghe, Phật sẽ không nói các pháp môn khác, chỉ duy nhất nói pháp môn này, đây là pháp môn thành Phật ngay trong đời này.

Chúng ta thử nghĩ xem, vì sao chúng sanh không thể tiếp nhận? Nói thật, không khó hiểu, mắt ta nhìn những chúng sanh này, có chúng sanh nào sắp thành Phật chăng? Kinh điển thành Phật, pháp môn thành Phật, chỉ có trong đời này có cơ hội thành Phật, họ mới tin, hoan hỷ tu pháp môn này. Vì sao vậy? Vì họ muốn thành Phật trong đời này, cơ hội này không nhiều, người như vậy rất ít. Các pháp môn đại thừa là dạy chúng sanh thành Bồ Tát, pháp môn tiểu thừa dạy ta chúng A la hán, hàng căn tánh này rất nhiều, so với căn tánh thành Phật đúng là nhiều hơn rất nhiều. Đây là sự thật mà chúng ta nhất định cần phải biết.

Câu Phật hiệu này chính là Chư Phật hiện tiền tam muội, cũng là “bát nhã tam muội”. Bát nhã tam muội trong pháp giáo Hoa nghiêm tông thuộc về đại thừa thí giáo. Vì sao gọi là đại thừa thí giáo? Không có trí tuệ bát nhã chân thật, không thể nhập vào pháp môn đại thừa. Sự bắt đầu của đại thừa, chúng ta nói từ giáo nghĩa của viên giáo, sơ trụ Bồ Tát, đây là bắt đầu của đại thừa.

Có thể chư vị từng xem Đại Thừa Khởi Tín Luận của Bồ Tát Mã Minh, nếu sau này gặp bộ sách này, chư vị có thể xem thử. Đại Thừa Khởi Tín, nói từ đề mục này, đây là một bộ sách giáo khoa vỡ lòng của đại thừa. Như vừa lên lớp một, đây là cuốn sách đầu tiên, bắt đầu từ đây. Xem bộ sách này có thể cũng xem không hiểu, vì sao không hiểu? Là sách của Viên giáo sơ trụ Bồ Tát, đương nhiên chúng ta xem không hiểu rồi. Viên giáo sơ trụ Bồ Tát đã đoạn kiến tư phiền não, trần sa phiền não cũng không còn, vô minh phá một phẩm, trí tuệ hiện tiền. Chư vị phải biết, A la hán, Bích Chi Phật không có trí tuệ.

Trong tam đức bí tạng, tam đức là pháp thân, bát nhã, giải thoát. A la hán, Bích Chi Phật đoạn kiến tư phiền não, vượt thoát luân hồi lục đạo. Trong tam đức họ chỉ có giải thoát, bát nhã và pháp thân đều không có. Giải thoát là gì? Giải thoát là tự tại, vì họ đã đoạn kiến tư phiền não, không còn chìm đắm trong luân hồi sanh tử, cho nên họ được tự tại, nhưng chưa khai trí tuệ, chưa chứng pháp thân. Đây là A la hán, Bích Chi Phật.

Sơ trụ Bồ Tát phá nhất phẩm vô minh, trí tuệ hiện tiền, phá vô minh trí tuệ hiển lộ, chứng một phần pháp thân. Pháp thân, bát nhã, giải thoát, tất cả đều đạt được, đây là sơ trụ Bồ Tát. Trí tuệ bát nhã vừa hiện tiền, cho nên gọi là “thỉ giáo”, thỉ giáo của đại thừa.

Chung giáo của đại thừa ai chứng được? Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa. Thập địa Bồ Tát là chung của đại thừa, thập trụ là thỉ của đại thừa. Chung giáo đại thừa đến sau cùng là thập địa Bồ Tát, thông thường gọi là pháp vân địa, pháp lớn như mây. Bồ Tát pháp vân địa thuộc về “chung”, chung của pháp đại thừa, lên cao hơn là Đẳng giác, diệu giác.

Bát nhã không dễ hiểu, chúng ta xem Kinh Kim Cang, ở Trung quốc Kinh Kim Cang rất nổi tiếng, thực tế mà nói nó là đại sư Huệ Năng đề xướng, vì ngài khai ngộ từ Kinh Kim Cang. Ở Trung quốc Thiên tông rất thịnh hành, Do đó mức độ khi người biết đến kinh Kim Cang cao hơn tất cả các kinh, người không học Phật cũng biết Phật giáo có một bộ Kinh Kim Cang, ngoài ra họ không biết, họ chỉ biết có Kinh Kim Cang. Nói thật Kinh Kim Cang cũng là thỉ giáo, thỉ giáo của đại thừa, mở đầu.

Các kinh văn khác chúng ta không nói đến, quý vị xem điều kiện của Bồ Tát là gì? Nửa bộ trước của Kinh Kim Cang nói về “nếu Bồ Tát”, đây là Bồ Tát thỉ giáo, Bồ Tát thỉ giáo của đại thừa. “Có ngã tướng, có nhân tướng, có chúng sanh tướng, có thọ giả tướng, tức không phải Bồ Tát”, không phải Bồ Tát. Quý vị thấy vị Bồ Tát nào không lìa bốn tướng? Lìa bốn tướng, là vừa nhập môn.

Nửa bộ sau của kinh Kim Cang cảnh giới cao hơn nửa bộ trước, nửa bộ trước là lìa tướng, nửa bộ sau là lìa kiến, cảnh giới này rất cao. Nửa bộ sau nói: “Nếu Bồ Tát có ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức không phải Bồ Tát”. “Kiến” là gì? Kiến là ý niệm, ý niệm đều không

còn. Nửa bộ trước là không chấp tướng, nửa bộ sau là không khởi tâm không động niệm, thi giáo của đại thừa, trí tuệ bát nhã mới thật sự hiện tiền.

Một câu Phật hiệu này, câu A Di Đà Phật này, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, lập tức khế nhập cảnh giới này. Bốn tướng, bốn kiến đều liễu bất khả đắc, chúng ta từ sự niệm nhập vào lý niệm, công phu thuần thực, phương pháp đơn giản, đây là sự thù thắng của pháp môn này. Nó cũng đồng nghĩa với thi giáo.

Sau cùng là “phổ đẳng tam muội”, trong kinh điển đại thừa viên giáo, chúng ta thường thấy danh từ này. Phổ là phổ biến, rộng lớn vô biên. Đẳng là bình đẳng, tận hư không biến pháp giới tuyệt đối không có tướng sai biệt, thanh tịnh bình đẳng. Đây gọi là “phổ đẳng tam muội”, đây là viên giáo. Trong các pháp môn, đây là thật sự cứu cánh viên mãn.

Câu hồng danh sáu chữ này, lấy danh chiêu đức, đem vô lượng giác mà Phật A Di Đà chứng được danh hiệu A Di Đà Phật, hoàn toàn dịch sang tiếng Trung, nam mô nghĩa là quy y, tiếng Phạn là nam mô, dịch sang tiếng Trung là quy y, A dịch là vô, Di Đà dịch là lượng, Phật dịch là giác. Toàn bộ dịch sang tiếng Trung là “quy y vô lượng giác”, vô lượng giác tức là “phổ đẳng tam muội”. Là đem những gì Phật A Di Đà chứng được, biến thành tu nhân của chính mình, “nhân kiêu quả hải, quả triệt nhân nguyên”, nhân quả không hai. Pháp môn này thù thắng là ở chỗ này, đem công đức viên mãn mà Phật A Di Đà tu từ vô lượng kiếp, chúng ta tiếp thu nó trong nhất niệm tâm. Tâm “niệm Phật” của chúng ta, và tâm “niệm ngã” của Phật A Di Đà, quan niệm này chư vị nhất định phải biết, phải kiến lập. Tôi niệm là niệm “Phật A Di Đà trong tâm tôi”, Phật A Di Đà là niệm “chúng sanh trong tâm Phật”, tâm chúng sanh và tâm Phật là một, một tâm không phải hai tâm. Bởi vậy lập tức đem công đức viên mãn của Chư Phật, chỉ trong nhất niệm tâm dung hòa thành một với mình, đây là “phổ đẳng tam muội”. Do đây có thể biết, một câu Phật hiệu viên mãn đầy đủ năm giáo: tiểu, thi, chung, đốn, viên. Từ đây cho thấy, niệm Phật tam muội không thể nghĩ bàn.

Đoạn sau cùng nói: “Niệm Phật tam muội, cổ xưng kinh lộ”, kinh lộ là con đường gần nhất. Chư vị thử nghĩ xem, người thông minh đều đi đường tắt, đều biết đi đường gần. Ai muốn đi đường vòng? Con đường thành Phật gần nhất là “niệm Phật”. “Nhi trì danh nhất pháp, kinh nhi hựu kinh”. Niệm Phật, ở trước đã nói với quý vị, có thật tướng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, trì danh niệm Phật, có bốn loại lớn này. Trong bốn loại lớn này, lại lấy “trì danh niệm Phật” là con đường tắt trong các đường tắt. Trì danh dễ nhất, thù thắng nhất. Quán tượng hoặc là quán tượng, rất mất sức, nhất định phải khắc sâu ấn tượng này vào trong đầu, như thế nào mới được coi là thành tựu? Trong Thập Lục Quán Kinh nói,

chẳng hạn quán thứ nhất ta quán “nhật lạc huyền cổ”, quán lúc hoàng hôn mặt trời xuống núi, quý vị xem, ta mở mắt ra mặt trời ở ngay trước mắt, nhắm mắt lại mặt trời vẫn ở trước mắt, như vậy mới quán thành. Chúng ta quán gì? Khi nhìn thấy mặt trời, có mặt trời, nhắm mắt lại thì không còn nữa, mặt trời vừa lặn cũng không còn, vậy mới biết quán thành công khó khăn biết bao. Dù quán thành công, đây gọi là chấp tướng, chấp tướng không cứu cánh, đến thế giới tây phương Cực Lạc cũng phải vứt bỏ tướng này. Quán thành không dễ, tương lai muốn vứt bỏ cũng khó khăn. Nếu không thể vứt bỏ, ta ở thế giới tây phương Cực Lạc là cõi phàm thánh đồng cư, không thể nâng cao phẩm vị của mình. Vì sao vậy? Vì “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, đều phải vứt bỏ tướng hư vọng này, cho thấy điều này rất phiền phức. Muốn thành công đã phiền phức rồi, về sau vẫn có phiền phức, hậu di chứng rất nghiêm trọng.

Câu danh hiệu này quá dễ, vì ta biết danh hiệu đều là giả danh, thay tên khác, đổi tên khác, cảm thấy điều này không có gì, là vấn đề đơn giản. Vì thế sau khi quán danh hiệu thành công, đến thế giới tây phương Cực Lạc vứt bỏ danh hiệu rất dễ, dễ hơn tướng rất nhiều. Pháp môn này là đường tắt trong các đường tắt.

“Dị hành tạt chí”, dị là dễ, rất dễ tu hành. Chư vị phải biết, công phu của Tịnh tông ở trong một câu danh hiệu. Tôi thường yêu cầu hàng sơ học đọc Kinh Vô Lượng Thọ, trước tiên đọc 3000 biến Kinh Vô Lượng Thọ, đây là pháp phương tiện, đọc kinh là pháp phương tiện. Vì sao trước tiên phải đọc kinh 3000 biến? Sau khi đọc xong 3000 biến kinh, tâm an định, lý cũng thấu triệt, không còn hoài nghi, tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên định. Dùng tâm thanh tịnh kiên cố để chấp trì danh hiệu, như vậy mới có công đức, niệm danh hiệu như vậy mới có sức mạnh, mới đắc lực. Nếu tín tâm không thanh tịnh, lòng tin không kiên định, niệm câu Phật hiệu này giống như lục bình trôi sông vậy, không có gốc rễ. Miệng niệm không sai, nó không khởi tác dụng, đây là nguyên nhân vì sao dạy ta phải đọc kinh trước. Khi đọc kinh sẽ hiểu lý, đọc kinh là tu tâm thanh tịnh, công phu về sau hoàn toàn nơi một câu danh hiệu, chư vị phải biết điều này, bởi vậy nó dễ tu.

“Tạt chí”, tạt là nhanh chóng, chí là đến nơi, đến nơi nào? Đến thế giới tây phương Cực Lạc, đạt đến minh tâm kiến tánh, đến nơi vô thượng bồ đề, trong đời này nhất định có thể đạt được, nhất định làm được. Ở trước nói rằng, pháp môn này trong năm loại bất tư nghì, nó không cần thời gian dài, bảy ngày có thể tu thành, nhanh biết bao. Tuy Thiên tông nói “đốn”, bảy ngày khai ngộ, chúng ta chưa từng thấy trong lịch sử. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, bảy ngày thành tựu, sợ là ngoài Lục tổ ra, chưa thấy người thứ hai, đây là sự thật. Nhưng trong Tịnh độ tông, người một ngày đến bảy ngày vãng sanh, vẫn thường nghe đến, có thật. Trong

mấy mươi năm lại đây, ba bốn mươi năm nay, niệm Phật A Di Đà, một ngày đến bảy ngày vãng sanh, chúng ta từng thấy từng nghe, tuy không tận mắt chứng kiến, nhưng đúng là sự thật. Còn người niệm Phật ba năm thành công, vãng sanh nhiều vô số, bản thân biết trước giờ chết, biết khi nào ra đi, khi ra đi không sanh bệnh, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh. Quý vị hỏi họ niệm bao lâu? Khoảng ba năm, trường hợp này rất nhiều. Ba năm trong Thiên tông “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” rất ít. Từ khi Thiên tông truyền đến Trung quốc đến nay gần 2000 năm lịch sử, ba năm khai ngộ, chư vị thử tra tài liệu trong lịch sử xem, nhân tố không nhiều, có nhưng rất hiếm. Khai ngộ chưa chắc có thể liễu sanh tử, chưa chắc có thể vượt thoát tam giới, đây là sự thật chúng ta cần phải biết, sau đó mới biết nên chọn lựa như thế nào.

“Xung kỳ danh hiệu, bốn nguyện như thị”. Vì sao câu danh hiệu này dễ tu như vậy? Nhanh chóng thành tựu như vậy? Đây là công đức bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, vì thế gọi pháp môn này là “nhị lực pháp môn”. Thứ nhất là bản thân có tín nguyện lực, thứ hai là Phật A Di Đà có bốn nguyện lực tiếp dẫn chúng ta, đây là nhị lực pháp môn. Đương nhiên tuy là nói như vậy, sự thật cũng không đơn giản. Nếu như sự thật cũng đơn giản như vậy, thiên hạ người niệm Phật rất nhiều, vì sao những người này không vãng sanh. Nghi vấn này, bao nhiêu năm nay luôn quấy nhiễu chúng ta, chúng ta cũng thường bị những người dị kiến dị học, nghe theo lời họ, tín tâm ta cũng bị dao động. Mấy năm nay chúng ta đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ, nghiên cứu thảo luận Kinh Vô Lượng Thọ. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, mới tìm ra đáp án cụ thể này, tâm ta an định lại. Đức Phật nói với chúng ta một cách rõ ràng, nghe pháp môn này có thể sanh tâm hoan hỷ, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật. Người này không phải phàm phu, không phải người bình thường, là người như thế nào? Người này trong đời quá khứ, vô lượng kiếp đến nay từng cúng dường vô lượng vô biên Chư Phật Như Lai, phước báo không thể nghĩ bàn. Là thiện căn phước đức nhiều đời nhiều kiếp của họ, đến nay đã thuần thục, họ mới có thể tiếp thu.

Câu này cũng tương ứng với Kinh Di Đà, trong Kinh Di Đà Đức Phật dạy rằng: “Không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh vào cõi nước này”. Ít thiện căn phước đức nhân duyên, không được. Rốt cuộc như thế nào mới gọi là nhiều? Tiêu chuẩn ở đâu? Đọc Kinh Vô Lượng Thọ rồi mới biết, tiêu chuẩn của “nhiều” ở đâu. Trong kinh nói A Xà vương tử, A Xà vương tử và 500 đại trưởng giả, Đức Phật nói trong đời quá khứ họ từng cúng dường 400 ức Phật. Quý vị thử nghĩ xem con số này, 400 ức. Thiện căn của họ có nhiều chăng? Không nhiều. Vì những người này nghe Thế tôn giảng Kinh Vô Lượng Thọ, trong tâm khởi ý niệm, khởi ý niệm gì? Hy vọng mình tương lai thành Phật giống như Phật A Di Đà

vậy, khởi ý niệm này. Cho đến niệm danh hiệu Phật A Di Đà, cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, không khởi niệm này. Do đây có thể biết, trong đời quá khứ cúng dường 400 ức Phật, họ vẫn không nghĩ đến niệm Phật cầu sanh tây phương, không đủ thiện căn phước đức.

Ngày nay chúng ta nghe được kinh này, nghe một cách hoan hỷ, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Cần biết rằng, thiện căn trong quá khứ của mình hơn hẳn A Xà vương tử. Nếu không hơn họ, sao ta có thể khởi ý niệm muốn cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc? Không thể. Phàm những ai đời này niệm Phật vãng sanh, đều do thiện căn trong quá khứ thuần thực, hiện nay chỉ cần vừa phát tâm này, đều được Chư Phật Như Lai khắp mười phương gia trì. Khi lâm chung, Phật A Di Đà nhất định dùng công đức bốn nguyện đến tiếp dẫn, đây là pháp môn thành tựu ngay trong đời này.

Nếu không hiểu rõ ràng minh bạch sự thật này, chúng ta coi pháp môn này quá dễ, thật ra nó không dễ chút nào, khó hơn bất kỳ pháp môn nào. Người tu hành này, nhiều đời nhiều kiếp, chúng ta nhìn thấy kết quả ngày nay của họ, tưởng rằng rất đơn giản, thật ra không đơn giản. Người ta tu từ đời này qua đời khác, quá khứ tu hành ta không thấy, nhìn thấy quá khứ tu hành mới gặt đầu, rất đáng, không phải việc ngẫu nhiên. Đây là bốn nguyện như vậy.

“Thử phương nhân tâm tạp loạn, tất linh chuyên tâm nhất cảnh, nãi đắc vãng sanh”. Vô Lượng Quang Phật, vì sao dạy Bồ Tát Đại Thế Chí niệm Phật tam muội? Vì thế giới Ta Bà “nhân tâm tạp loạn”, quá nhiều vọng niệm, tập khí phiền não sâu nặng, cho nên nhất định phải chuyên tâm vào cảnh giới này, tâm mới dễ thanh tịnh, công phu dễ đắc lực.

Trước đây, pháp sư Đàm Hư, trong kỳ Phật thất ở HongKong có một đoạn khai thị, băng ghi âm khai thị này đã lưu truyền đến Mỹ. Khoảng 5 năm trước, tôi giảng kinh ở San Francisco, cư sĩ Cam Quý Tuệ có được băng ghi âm này, bà tặng băng ghi âm này cho tôi. Tôi đem về Đài Loan, nghe 30 lượt. Vì khẩu âm của pháp sư Đàm Hư là khẩu âm của Thiên Tân, giọng nói rất nặng. Mới đầu tôi nghe pháp sư nói chỉ hiểu được năm phần, vì thế cứ nghe tới nghe lui, nghe được vài mươi lượt, tôi có thể nghe được khoảng chín phần, tôi thường nghe băng ghi âm này. Tôi cảm thấy nếu người thật sự có thiện căn, nghe được đoạn khai thị này, đời này họ có thể vãng sanh, sẽ niệm Phật một cách thiết thực.

Pháp sư Đàm Hư đã viên tịch hơn 20 năm, băng ghi âm này lưu truyền mãi cho đến nay, sang lần này qua lần khác, chất lượng âm thanh đã biến chất. Tôi sợ không giữ được lâu dài, cho nên đưa qua Singapore làm thành CD, hiện nay CD này đã đưa về đây. Tôi vẫn chưa nghe, Trương cư sĩ đã nghe qua, ông ta nói chất lượng âm thanh rất tốt. Tôi dùng CD làm băng gốc, sang ra lưu thông với số lượng lớn, cung cấp để chư vị đồng học tham khảo. Những gì nói trong đó là người thật việc thật, tận mắt chứng kiến.

Chuyên niệm câu A Di Đà Phật này, không cần đọc kinh, cũng không cần niệm chú, ba năm có thể đứng vãng sanh thật tự tại. Người ta làm được, vì sao mình không làm được? Điều này bản thân cần phải phản tỉnh, phải kiểm điểm lại mình. Sở dĩ người ta làm được, không có bí quyết gì khác, chính là “chuyên”, họ làm được chuyên tâm vào một cảnh. Vì sao chúng ta không làm được? Vì niệm Phật vẫn khởi vọng tưởng, điều này ta không bằng người. Còn muốn học điều này, còn muốn học điều kia, trong Phật pháp rất nhiều pháp môn đều muốn học, rất nhiều kinh luận đều muốn nghiên cứu, vẫn chưa đủ, còn muốn học rất nhiều thứ của thế gian, cũng muốn nghiên cứu, đời này không hy vọng được vãng sanh, sai lầm hoàn toàn, sai chính là chỗ này. Vì sao người ta có thể thành công? Vì họ buông bỏ tất cả thân tâm thế giới, từ sáng đến tối chỉ nắm chắc một câu A Di Đà Phật. Trong tâm ngoài câu A Di Đà Phật ra, họ không còn gì cả, vì thế họ thành công. Nói thật, tôi thường nghe, nghe xong rất hổ thẹn, mình thua xa họ. Tôi hôm qua tôi còn nằm mộng, mộng thấy đại sư Ấn Quang, mời tôi đến chùa Linh Nham Sơn giảng Kinh Di Đà Sớ Sao, quý vị xem có tệ hại không, không thể chuyên tâm vào một cảnh. Người ta nhất tâm nhất ý vào một câu A Di Đà Phật, thật đáng nể, đây là điều chúng ta cần đề cao cảnh giác, có vãng sanh hay không then chốt là chỗ này. Thử nghĩ xem, thiện căn của mình đã đạt đến tiêu chuẩn, mẫu mực đó chưa, đều ở đây cả. Vẫn còn ba tâm hai ý nghĩ cái này, nghĩ cái kia, như vậy là chưa đủ thiện căn. Nhất tâm nhất ý, niệm một câu A Di Đà Phật, không nghĩ đến bất kỳ điều gì, thiện căn của họ đã thuần thực. Thiện căn từ vô lượng kiếp đến nay đã thuần thực, không nghĩ gì cả, Phật pháp cũng không nghĩ, càng không nghĩ đến thế pháp, niệm như vậy mới gọi là chân thành.

Có thể chư vị đồng học muốn hỏi, niệm chân thành như thế, việc gì cũng không thể làm. Thực tế mà nói, việc gì cũng có thể làm, đừng để mọi việc trong tâm, vậy mới đúng. Phật pháp không chướng ngại thế pháp, pháp môn này lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Mọi việc cứ làm như thường, trong tâm không vướng bận, có việc thì làm, làm xong cũng đừng nghĩ đến nó, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, hoàn toàn chính xác.

Xem tiếp đoạn kinh văn bên dưới: “Thí như hữu nhân, nhất chuyên vi ức, nhất nhân chuyên vọng, như thị nhị nhân, nhược phùng bất phùng, hoặc kiến phi kiến, nhị nhân tương ức, nhị ức niệm thâm, như thị nãi chí, tòng sanh chí sanh, đồng ư hình ảnh, bất tương quai dị”.

Đây là Bồ Tát đưa ra ví dụ cho chúng ta, hy vọng từ ví dụ này lãnh hội được công phu niệm Phật, Phật phải niệm như thế nào. Thực tế mà nói ví dụ này có lý luận, có sự tương.

Ví như có người, một người chuyên môn nhớ nghĩ, một người lại hay quên, vì thế không có cảm ứng. “Như thị nhị nhân, nhược phùng bất phùng, hoặc kiến phi kiến”, hoàn toàn không có cảm ứng. Nếu hai người

này đều nhớ nghĩ, “nhị ức niệm thâm”, hai người đều đang nhớ đến nhau, đây là cảm ứng đạo giao. “Như thị nữ chí tòng sanh chí sanh”, là một đời hoặc đời đời kiếp kiếp, “đồng ư hình ảnh”, như bóng theo hình không thể lìa xa, đây chính là cảm ứng đạo giao.

Ví dụ này ví cho điều gì? Tiểu chú có nói rõ: “Sơ dụ Phật niệm chúng sanh, chúng sanh bất niệm Phật dã”. Ví dụ hai người, một người luôn ghi nhớ, luôn nhớ là Phật, Phật A Di Đà nhớ hết thấy pháp giới chúng sanh, trên từ Đẳng giác Bồ Tát, dưới đến địa ngục chúng sanh, không có ai Phật A Di Đà không nhớ, ngài đều nhớ đến. Phật A Di Đà nhớ chúng sanh như thế, tất cả Chư Phật trong ba đời mười phương thì sao? Nói thật với chư vị, Chư Phật và Phật A Di Đà hoàn toàn tương đồng, đều nhớ đến quần sanh. Phật luôn nhớ đến chúng sanh, Phật luôn hy vọng chúng sanh nhanh chóng thành Phật, đây là Phật nhớ chúng sanh, không hề gián đoạn.

Cho nên người hiểu biết, mới lãnh hội hết ý nghĩa của đại từ đại bi. Người thế gian cha mẹ nhớ con cái, từ ái đó chỉ trong một đời, đời sau hai bên không còn tương phùng, dù tương phùng cũng không quen. Duy nhất Phật Bồ Tát nhớ chúng sanh, đời đời kiếp kiếp, ân đức này cha mẹ không sánh được, không nhiều người biết được điều này. Thâm ân của Phật đối với chúng sanh, chỉ có người tu hành chứng quả hiểu được. Nếu ta nói với những người bình thường, họ không tin, họ nói mình nói dối, họ không thể tiếp thu lời nói chân thật, sự thật.

“Chúng sanh không nhớ Phật”, vì thế không có cảm ứng, không phải Phật không nhớ chúng sanh, mà là chúng sanh không chịu nhớ Phật. Bên này có chỗ cách biệt, làm chướng ngại từ bi quang minh của Phật.

Ví dụ ở sau là hai bên nhớ nhau, ví dụ nói là “sanh Phật niệm đồng, song ức bất ly dã”. Phật nhớ chúng sanh, chúng sanh chịu nhớ Phật, đây là cảm ứng đạo giao.

Trong Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận, trích dẫn kinh văn của kinh luận đại thừa để chứng minh cho chúng ta. Nó dẫn chứng Kinh Lăng Nghiêm rất nhiều, nói rõ chân chướng của duy tâm Tịnh độ và tự tánh Di Đà. Thực tế, vẫn là một câu Đức Phật thường nói trong kinh điển đại thừa, câu nói này đúng là chân lý. “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, câu này là chân lý, câu này là sự thật. Tất cả pháp là tất cả pháp thế xuất thế gian, từ tâm tưởng sanh. Chúng sanh là chúng sanh trong tâm Phật, Chư Phật là Chư Phật trong tâm chúng sanh. Tuy tương bất đồng, có khoảng cách, nhưng tâm tánh không hề trở ngại, tâm tánh tương thông. Chư Phật nhớ chúng sanh trong tâm mình, chúng sanh cũng nhớ Di Đà trong tâm mình, như vậy làm sao không có cảm ứng? Nếu không phải tự tánh biến hiện, có thể không có cảm ứng, đây là tự tánh biến hiện, đương nhiên cảm ứng, nhất định cảm ứng, sự thật là như vậy.

“Nhu thị nhất tâm niệm Phật, tâm đồng Phật dã”. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật Đức Phật nói rất rõ ràng, ý nói rằng, khi ta khởi tâm niệm Phật, tâm này là 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp. Khi ta khởi tâm niệm Phật, tâm mình biến thành Phật tâm, nên tâm đồng với Phật. “Tâm đồng hình diệc đồng”, tâm quả nhiên đồng với Phật, thân sao có thể không đồng với Phật được?

Người học Phật niệm Phật lâu ngày, tướng mạo họ rất từ bi, tánh tình nhu hòa, họ thay đổi, khởi biến hóa, tâm làm chủ. Khi xem bói toán thường nói: “tướng tùy tâm chuyên”, tâm người từ bi, tướng mạo họ nhất định từ bi. Tâm người hiểm ác, dù giả vờ tướng mạo họ cũng không từ bi được, người ta vừa nhìn là biết ngay, điều này làm sao che dấu được. Che đây có thể che đây được người ngu si, không qua mắt được người thông minh, không che dấu được người có trí tuệ. Nhìn vào là biết ngay, rốt cuộc người đó là thật hay giả, có bao nhiêu công phu đều thể hiện ra bên ngoài, không cất dấu được. Cho nên hình đồng với Phật.

“Bất duy thử thế, nãi chí sanh sanh thế thế, hình ảnh giai đồng giả”. Đây là chúng ta thường nói, xem người là xem người này có thiện căn, người này có túc căn. Túc căn là gì? Ta thường gọi là bốn tánh, thiện tánh, không ai dạy, tâm địa vẫn tốt, vẫn rất từ bi, rất thông minh, rất hiểu lý lẽ, đây là túc căn. Không phải tu hành trong một đời, mà “đời đời kiếp kiếp”, công phu còn có chút đặc lực. Không đặc lực, nó không ảnh hưởng đến đời này, công phu trong đời quá khứ đều có sức mạnh.

Đặc biệt là pháp môn này, cần có túc căn thuần thực. Trong đời quá khứ căn tánh mình không thuần thực, đời này rất khó được lợi ích. Nói đến đây, cũng có người vẫn chưa thuần thực, đời này họ được lợi ích, lợi ích mỗi người đạt được cũng không tương đồng, đây là nguyên do gì? Trong chú giải Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đại sư Thiện Đạo, nói rõ với chúng ta về điều này. Ngài nói rằng: “cửu phẩm vãng sanh đều do gặp duyên khác nhau”, câu này nói quá hay. Không thể nói trong đời quá khứ mình không có thiện căn, không có không thể nghe lọt vào tai, căn bản sẽ bài xích, Phật pháp hay, Thiên không tặc, hay, Mật cũng rất hay, Giáo cũng rất hay, họ rất có hứng thú, nói đến niệm Phật họ lập tức bài xích, lập tức cự tuyệt, đây chứng minh điều gì? Chứng minh thiện căn chưa thuần thực. Thiện căn thuần thực không phải như vậy, vừa nghe đến danh hiệu Phật A Di Đà họ liền hoan hỷ, liền tiếp thu. Nói với họ đến pháp môn khác, họ nghe không lọt tai, đây gọi là thiện căn thuần thực. Người thuần thực, đời này chắc chắn được vãng sanh. Vẫn chưa thuần thực, sắp thuần thực, còn kém một chút, đó là gặp duyên khác nhau. Thật sự gặp được nhân duyên thù thắng, nhân duyên này có nhiều phương diện. Như gặp thiện hữu, chúng ta gọi là thiện tri thức, thật sự có thể nói rõ ràng minh bạch pháp môn này, gạt đầu tin tưởng. Gặp bạn đồng tu tốt, hai bên cùng nhau rèn

luyện tu tập, đây là duyên tốt. Còn có một loại gặp được thiện hữu, ta thấy họ niệm Phật vãng sanh, lập tức tin tưởng. Không phải bản thân chứng kiến, không tin, đây là thấy tận mắt, rất tin, niệm rớt ráo câu Phật hiệu này.

Nhân duyên thù thắng này có rất nhiều, có thể tác động tức duyên trong đời quá khứ của ta, nhân duyên tức thế. Họ có thể tác động chúng ta, có thể dẫn phát ta, đây gọi là thiện căn. Do duyên bất đồng nên quả không giống nhau, nhưng chắc chắn được vãng sanh, vãng sanh phẩm vị không tương đồng, chắc chắn được sanh.

Xem tiếp đoạn kinh văn bên dưới: “Thập phương Như Lai, lân niệm chúng sanh, như mẫu ức tử, nhược tử đào thế, tuy ức hà vi”. Đây là ví dụ thứ hai, ví dụ thứ hai, trong kinh văn chỉ có một nửa, bên dưới còn một đoạn, nói đoạn này trước. “Tiền nhị nhân dụ, phạt chỉ thân hữu”, ví dụ ở trước, quan hệ của ví dụ không thân lắm. Ví dụ này, ví dụ về mẹ con là điều rất thân thiết, dùng ví dụ này.

“Thử tử mẫu dụ, tối vi thân thiết, tiên dụ đôn ức hữu li”. Một nửa trước, mẹ nhớ con, con không nhớ mẹ, như vậy cũng vô ích, không có cảm ứng. Nhưng người làm mẹ, trong đời không ai không nhớ con cái mình. Sau khi con cái lớn lên, người biết nhớ đến mẹ không nhiều. Từ xưa đến nay người mẹ thường rất si mê, biết con cái không nhớ mình, nhưng họ không thể nào quên. Dùng điều này để ví Phật nhớ chúng sanh. “Phật niệm chúng sanh viễn quá ư mẫu”. Mẹ nhớ con một đời một kiếp, Phật nhớ chúng sanh là đời đời kiếp kiếp. “Mẫu niệm tử từ chỉ nhất thế, Phật niệm chúng sanh từ tâm vô tận”. Đây là Bồ Tát Đại Thế Chí nói với chúng ta, Bồ Tát Đại Thế Chí là Đẳng giác Bồ Tát, là hậu bồ Phật của thế giới Cực Lạc, tuyệt đối không nói vọng ngữ, tuyệt đối không có chữ nào là giả thiết, mỗi câu mỗi chữ đều chân thật, ta cần phải tin chắc.

Xem tiếp nửa đoạn sau: “Tử nhược ức mẫu, như mẫu ức thời, mẫu tử lịch sanh, bất tương vi viễn”. Ví dụ này là “song ức bất li, nhất thiết chúng sanh ngưỡng mộ Di Đà, quả năng như Phật chi lân niệm chúng sanh giả, tự nhiên cảm ứng đạo giao, tất đắc kiến Phật vãng sanh”. Ví dụ không khó hiểu, chúng ta cần lãnh hội tường tận sâu sắc từ ví dụ này, sau đó tự nhiên hiểu được vì sao phải nhớ Phật, vì sao niệm Phật nhất định vãng sanh, tất cả đều nói rõ ràng minh bạch với chúng ta. Đồng thời ở đây cũng có thể lãnh hội được, vì sao Chư Phật Như Lai khắp mười phương đều tán thán Phật A Di Đà, trong ví dụ này đã giải thích tất cả.

“Đại Hạnh Cao Tề hòa thượng vân”. “Cao Tề” trong lịch sử là vương triều do Cao Hoan kiến lập, quốc hiệu gọi là “Tề”, vào thời đại Nam Bắc triều, thời đại ngũ hồ loạn hoa. Có vị pháp sư tên Đại Hạnh, ông từng nói, dạy người: “tín ức nhị tự, bất ly ư tâm”. Tín là tín ngưỡng, tín tâm, trong Kinh Kim Cang nói: “tín tâm thanh tịnh, tức sanh thật tướng”, thật tướng là trí tuệ, ta thấu hiểu chân tướng sự thật. “Ức” là nhớ, “bất ly ư tâm”,

trong lòng có tín tâm thanh tịnh, nhớ nghĩ sâu sắc. Không nhớ gì khác, đến các pháp môn đại thừa khác đều không được nhớ đến, vì sao không được nhớ? Vì tất cả đều là sự nghiệp của luân hồi lục đạo.

Phật pháp đại thừa vượt thoát luân hồi, không sai, quý vị có vượt thoát được chăng? Không vượt thoát thì vẫn trôi lăn trong luân hồi. Vượt thoát luân hồi không phải trên phương diện tri kiến, vượt thoát luân hồi là phải đoạn tận phiền não. Chưa đoạn tận tập khí phiền não, không ra khỏi được luân hồi, chư vị phải biết điều này. Cổ nhân thường nói: “nói một trượng không bằng hành một thước”. Nói là tuệ, hành là công phu, điều này quan trọng. Nếu không đoạn phiền não, tất cả trí tuệ đều là tà trí tuệ.

Trong chú giải Kinh Hoa Nghiêm đại sư Thanh Lương nói: “Có hiểu không hành”, hành là công phu đoạn phiền não, phiền não chưa đoạn. Hiểu là gì? Thông đạt kinh điển, nói năng lưu loát, phiền não chưa đoạn, đó là gì? Đại sư Thanh Lương nói rất hay: “tăng trưởng tà kiến”, tri kiến đó là tà tri kiến, không phải chánh tri kiến. Chánh tri kiến là tương ưng với hành, tri kiến tương ưng với giải hành gọi là chánh tri kiến, tri kiến không tương ưng với giải hành chính là tà tri kiến.

Chúng ta xem thử trong các kinh điển khác Đức Phật dạy như thế nào, chưa đoạn thất tình ngũ dục, mới có những thứ này tồn tại. Thất tình ngũ dục, quả báo, tức phạm vi hoạt động của ta ở cõi dục. Ở đây phân thành tam giới, dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Chúng ta biết, Đức Phật nói trời có 28 tầng, sáu tầng dưới gọi là trời dục giới, ta chưa đoạn dục sẽ ở tại dục giới, không lên được sắc giới. Sắc giới như thế nào? Sắc giới đã đoạn dục. Dục thường nói có năm loại, tài sắc danh thực thùy, đây gọi là ngũ dục. Chưa đoạn tận năm thứ này, ta không đủ tư cách đến trời sơ thiên.

Đối với việc tham thiền, trước đây tôi từng đọc một ít kinh điển của Thiên tông, tôi cũng biết nói. Kinh điển Thiên tông, tôi từng giảng Lục Tổ Đàn Kinh rất nhiều lần, Vĩnh Gia Đại Sư Thiên Tông Tập, Chứng Đạo Ca tôi đều giảng qua nhiều lần. Đại Châu Hòa Thượng Ngũ Lục, đây là cuốn sách rất nổi tiếng của Thiên tông, tôi giảng người nghe đều rất tán thán. Thiên ngoài miệng thôi, không làm được. Không làm được bản thân mới biết, dù mình tu hành suốt đời tuyệt đối không đến được trời sơ thiên, nói cách khác, vẫn lăn lộn trong cõi dục. Có công phu thiền định, có thể xếp bằng diện bích vài ngày không đứng lên, mấy tháng không đứng dậy, vô ích, ta chưa đoạn dục niệm. Đoạn ngũ dục mới có năng lực đến sơ thiên.

Trong kinh điển Đức Phật dạy rằng, trời sơ thiên trở lên, ba độ phiền não tham sân si và sân nhuế không còn. Còn tham sân si, sân nhuế không còn, nói cách khác, vẫn còn tâm sân nhuế, người khác nói điều không hay về ta, trong lòng cảm thấy khó chịu. Không cần biểu lộ ra, trong tâm có chút gì đó không dễ chịu, vậy là ở trong dục giới, sơ thiên không có phần.

Chúng ta đọc truyện ký của đại sư An Thế Cao, ngài là người phiên dịch kinh đầu tiên tại Trung quốc, đến Trung quốc sớm nhất. Trong truyện ký của ngài, sau khi ngài chấm dứt giai đoạn dịch kinh liền đến Giang Nam, tức hồ Bà Dương Cửu Giang hiện nay, để độ một vị đồng học của ngài. Vị đồng học đó làm long vương tại hồ Bà Dương, thủy thần, làm long vương. Ngài có thần thông, biết rằng, vị đồng học của mình trong đời quá khứ là một người xuất gia, cùng tu học với ngài, tu học rất tinh tấn, hiểu kinh thích bồ thí, thông đạt thấu triệt kinh điển, giảng kinh rất hay, lại thích bồ thí, rất khó được. Người tu hành như thế, quả thật rất khó được. Một hôm ông đi khát thực, tức ra bên ngoài đi khát thực thức ăn, khi khát thực thấy thức ăn không ngon, trong lòng cảm thấy rất khó chịu. Mình là người tu hành như thế, hiểu kinh điển thích bồ thí, khát thực bát cơm này không vừa ý chút nào, trong lòng hơi buồn. Vì một chút sân nhuế này, sau khi chết đọa vào cõi thần, đường súc sanh, làm rắn, rắn lớn, đọa làm thân rắn. Vì hiểu rõ kinh điển, cho nên ông làm long vương, làm long vương vì ông có trí tuệ, người ta đến hỏi gì, đều rất linh. Vì ông thích bồ thí, cho nên phước báo rất lớn, 1000 dặm xung quanh đều đến lạy vị long vương này, thế nên hương hỏa rất thịnh. Nhưng làm thần tâm sân nhuế càng nặng, ai đắc tội ông, không lạy ông, thuyền người đó đi đến hồ Bà Dương, ông thổi một cơn gió làm lật thuyền, để trừng phạt người đó. Nếu lạy ông, cầu ông thì qua sông bình an vô sự, bởi vậy ông tạo nghiệp không ít. Sau khi thọ mạng thân rắn này hết, ông phải đọa vào địa ngục. Bây giờ ngài An Thế Cao đến độ vị đồng học này, đến cứu ông ta.

Thế mới biết, vì không vừa ý với một ít thức ăn mình khát thực được, trong tâm không vui mà phải chịu quả báo như thế, huống gì những chuyện khác. Đọa vào cõi thần, đọa làm thân rắn, chư vị đọc những câu chuyện này sẽ biết, bản thân cần đề cao cảnh giác.

Ta tu hành là tu những gì? Chính là tu để đoạn tận tham sân si, tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu tâm từ bi, tu tâm hoan hỷ. Người đối tốt với mình, mình cung kính họ, yêu thích họ. Người không tốt với mình, oan gia đối đầu. Họ oan gia đối đầu với mình, mình vẫn tốt với họ như thường, như vậy mới thật sự gọi là sửa đổi tập khí khuyết điểm của mình. Tu hành không gì khác ngoài tu sửa những tập khí khuyết điểm của chính mình mà thôi.

Bên dưới ức niệm là “xung kính nhị tự, bất ly ư khẩu”. Chúng ta thấu triệt chân tướng sự thật, mới biết tất cả các pháp môn không phải không tốt, thực tế do ta không có năng lực đoạn phiền não, không có năng lực đoạn tập khí. A la hán không còn phiền não, phiền não tham sân si đều không còn, nhưng tập khí vẫn còn. Tập khí là gì? Biểu hiện bên ngoài không tốt. Họ thật sự từ bi, nhưng dung mạo không tốt, vì sao vậy? Vì còn

tập khí, có thể thấy tập khí rất khó đoạn. Đến quả vị Bích Chi Phật, mới đoạn tận tập khí.

Trong tất cả các pháp môn, chúng ta tĩnh tâm quan sát, vẫn là pháp môn niệm Phật dễ tu, vì sao vậy? Vì đời nghiệp vãng sanh. Những tập khí khuyết điểm này, chúng ta chỉ cần dùng một câu Phật hiệu, có thể khống chế, dẹp yên chúng, khiến chúng không khởi tác dụng, như vậy có thể vãng sanh. Nhưng chư vị cũng phải nghe thật rõ ràng điều này, cũng phải nhớ kỹ, câu Phật hiệu này, quả thật có thể chế ngự tham sân si mạn, ngũ dục lục trần. Nó có chăng? Có, có nhưng không khởi tác dụng, khởi tác dụng là câu Phật hiệu này.

Cổ đức thường nói: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Tuy đây là lời của Thiên tông, Tịnh độ cũng có thể dùng. Niệm là gì? Là vọng niệm, vọng niệm tham sân si, khi khởi lên cũng đừng sợ. Thế nào gọi là giác? Câu A Di Đà Phật này chính là giác, ý niệm vừa khởi, niệm thứ hai là A Di Đà Phật, lập tức chế ngự vọng niệm này, đây gọi là công phu. Công phu niệm Phật đắc lực hay không đều ở chỗ này. Tuy niệm Phật, nhưng phiền não vẫn khởi lên, vậy là không đắc lực. Niệm Phật hiệu này không chế phục được phiền não, Phật hiệu này không có lợi ích. Nhất định Phật hiệu này khắc phục được phiền não. Nói cách khác, niệm thứ nhất là phiền não, niệm thứ hai là Phật hiệu thay thế vào, tuyệt đối không để cho phiền não niệm niệm tương tục, Phật hiệu phải làm được niệm niệm tương tục. Đây là người niệm Phật chơn chánh, là công phu chân thật, người này nhất định thành tựu. Tuyệt đối không được khi niệm Phật, phiền não vẫn khởi lên không dứt, vấn đề vãng sanh không có gì làm chắc. Dĩ nhiên lúc mới niệm, vừa niệm Phật vừa khởi phiền não, không thể hàng phục trong chốc lát. Nhưng niệm khoảng hai ba năm, vọng niệm ít dần, Phật hiệu nhiều hơn, dần dần tự nhiên hàng phục được. Hàng phục này, thực tế mà nói có quan hệ rất lớn với hiểu đạo lý, chính là nhận thức rõ ràng chân tướng sự thật. Chúng ta đích thực hiểu rõ, minh bạch nhân sinh vũ trụ, ta đối với nó không còn tham ái nữa, có thể khống chế được vọng niệm. Nếu như không thấu triệt, mọi thứ đều cố gắng, mọi thứ đều phải tranh đua, Phật hiệu này phát sanh hiệu quả không lớn. Vì sao vậy? Vì dục niệm quá mạnh, không buông bỏ được. Cho nên dạy ta hiểu rõ đạo lý, khi hiểu rõ đạo lý sau đó mới có thể buông bỏ. Thấu triệt đạo lý là nhìn thấu, sau khi nhìn thấu mới buông bỏ. Có thể nhìn thấu, có thể buông bỏ, câu Phật hiệu đó mới khởi tác dụng, mới có thể chế phục được phiền não. Thật sự hy vọng đời này vượt thoát luân hồi, không còn lặn ngụp trong lục đạo, không còn làm những điều này nữa. Đây là một quan niệm rất quan trọng, phải ngày ngày bồi dưỡng. Bồi dưỡng như thế nào? Chính là hiểu rõ kinh điển. Trong kinh điển Đức Phật đem chân tướng của nhân sinh vũ trụ, chân tướng của thế xuất thế gian, nói với chúng ta một cách rõ ràng minh bạch.

Mục đích đọc kinh không ngoài nhìn thấu buông bỏ, sau đó câu Phật hiệu này giúp ta ra khỏi ba cõi, giúp ta vãng sanh bất thoái thành Phật. “Xưng kính nhị tự bất ly ư khẩu”, nghĩa là câu Phật hiệu không rời khỏi miệng.

“Nhậm ý tảo vãn, chung vô tái trụ Ta bà chi pháp, thử vi niệm Phật đệ nhất yếu sách”. Sách là sách lược, là phương pháp, phương sách, phương pháp quan trọng nhất. Đoạn khai thị này của hòa thượng Đại Hạnh rất hay, ngài chỉ đưa ra cho chúng ta bốn chữ tín, ức, xưng, kính, đề xuất bốn chữ này. Ta chỉ cần thực hiện được bốn chữ này, tức cô nhân thường nói: ‘chân thành niệm Phật’, như vậy không ai không thành tựu.

Chúng ta lại thấy từ xưa đến nay, người niệm Phật vãng sanh, quả thật họ đều thực hành được bốn chữ này. Ta phải dùng bốn chữ này để trắc nghiệm bản thân, mình đã làm được chưa? Thật sự làm được, đương nhiên được sanh, đời này tuyệt đối thành tựu. Nếu không làm được, đời này có thể làm nhân duyên niệm Phật đời sau, đời này không thể vãng sanh. Nhưng đời sau có được thân người hay không, đây là vấn đề lớn. Được thân người có gặp được Phật pháp không, gặp được pháp môn này, lại là một vấn đề, vấn đề quá nhiều, cho nên nhất định phải nắm bắt cơ hội này, tuyệt đối đừng buông lơi.

Hôm nay thời gian đã hết.

Hết tập 5